

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-PT

Ngày: 30-5-2025

V/v: “Tranh chấp thừa kế về tài sản;
tranh chấp về hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Biên

Ông Chu Thái Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế về tài sản; tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2025/QĐXX-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Quang T, sinh năm 1969; nơi đăng ký thường trú: Số H đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi tạm trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số B đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định;

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962; nơi thường trú: Số B đường V, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N: Bà Trần Thị B, sinh năm 1987; nơi thường trú: Số B Ô, phường Q (địa chỉ cũ là phường H), thành phố N, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 04-9-2024);

3. Bà Phạm Thị Minh N1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số C, phố N, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định;

4. Ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số D, đường Đ, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội;

5. Bà Phạm Thị Bích N2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A, đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định;

6. Ông Phạm Quang T1, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: Số H, đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang T1: Bà Dương Thị Thu P (tức Dương Vũ Khánh L); nơi thường trú: Tập thể nhà máy tổ 25, N, Cầu G, Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 27-3-2021).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bích H, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Số G, đường T, phường L, thành phố N (Hợp đồng ủy quyền ngày 07-12-2024, ngày 10-3-2025);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Quang T3, sinh năm 1960 (đã bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tuyên bố mất tích theo quyết định số 10/2014/DS-ST ngày 29-9-2014);

2. Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số B, tổ I, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam;

3. Anh Phạm Trường G, sinh năm 1992; nơi thường trú: CHB2, khu nhà ở bán - TDP số A, phường T, quận N, Hà Nội;

4. Chị Phạm Thị Mỹ N3, sinh năm 1993; nơi thường trú: CHB2, khu nhà ở bán - TDP số A, phường T, quận N, Hà Nội;

5. Chị Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1996; nơi thường trú: Số A đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số E, tổ C, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;

6. Chị Phạm Thị Hiền T4, sinh năm 2001; nơi cư trú: Số A đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thu H1, chị Phạm Thị Thu H2, chị Phạm Thị Hiền T4, chị Phạm Thị Mỹ N3: Ông Phạm Quang T, sinh năm 1969; nơi tạm trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (theo các văn bản ủy quyền ngày 07-7-2020; 26-6-2020; 23-3-2020; 25-3-2020; 04-01-2021);

7. Ông Phạm Thanh T5 và bà Phạm Thị Thùy D (không có địa chỉ);

8. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1965 và ông Cao Xuân K, sinh năm 1961; cùng cư trú tại: Tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số A, đường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 26-10-2020).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Ánh K1, sinh năm 1945; nơi cư trú: Số A, đường N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;

2. Bà Vũ Hồng A1 - Cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quốc Đ, ông Phạm Quang T1 là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông Phạm Quang T, ông Trần Văn T2, chị Trần Thị Ngọc A; ông Phạm Quốc Đ có mặt ngày 20-5-2025, vắng mặt ngày 30-5-2025; vắng mặt bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Bích H, bà Trần Thị B, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quang T3, ông Phạm Thanh T5, bà Phạm Thị Thùy D, ông Trần Ánh K1, bà Vũ Hồng A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Phạm Quang T trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông Phạm Quang L1 là Phạm Văn T6 và Phạm Thị T7 đã chết trước ông L1. Bố ông là Phạm Quang L1 sinh năm 1936, chết ngày 21-11-2011. Mẹ ông là Phạm Thị H3 sinh năm 1937, chết năm 2007. Bố mẹ ông có những người con chung là: Phạm Thị Bích H, Phạm Quang T3, Phạm Thị N, Phạm Thị Minh N1, Phạm Thị Bích N2, Phạm Quốc Đ, Phạm Quang T, Phạm Quang T1 và Phạm Thị

Thu H1. Do mâu thuẫn nên bố mẹ ông làm đơn ly hôn ra Tòa án, tại bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử cho bố mẹ ông là ông L1 và bà H3 ly hôn; về phần tài sản: Bản án giao cho mẹ ông là bà H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m² tại nơi cư trú số H đường Đ, phường C, thành phố N, còn ông L1 được giao sử dụng phần đất diện tích 100m² và được nhận chênh lệch tài sản do bà H3 thanh toán là 192.000.000 đồng.

Trước khi chết bà H3 có lập di chúc cho vợ chồng ông được hưởng phần tài sản bà H3 được chia theo bản án trên. Đối với bản di chúc của bà H3, sau khi bà H3 chết, ông khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 18/2016/TCDS-ST ngày 26-9-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017. Sau khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật, ông đã làm đơn yêu cầu và đã được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định thi hành bản án này.

Khi ông Phạm Quang L1 còn sống, thời gian đầu sau ly hôn với bà H3, vợ chồng ông chu cấp cho ông L1 1.000.000 đồng/tháng. Sau này khi ông L1 ở tại nhà nghỉ ở đường N, vợ chồng ông không chu cấp nữa. Khi ông L1 ốm, vợ chồng ông đưa ông L1 đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh N chữa bệnh, ra viện đưa ông L1 về số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N chăm sóc, thuốc men, thuê bác sĩ phục hồi chức năng cho ông L1 tại nhà. Sau đó, vợ chồng ông đưa ông L1 đi khám bệnh tại Bệnh viện K và Bệnh viện Đ3. Bệnh viện chẩn đoán ông bị K giai đoạn cuối, bác sĩ trả về. Vợ chồng ông đưa ông L1 về số nhà H Điện Biên, phường C, thành phố N chăm sóc đến khi ông L1 chết.

Trong thời gian ông L1 ốm, sức khỏe giảm sút nhưng đầu óc hoàn toàn minh mẫn, nhận biết hết những người đến thăm. Trước khi chết vào ngày 21-11-2011 tại số nhà H Điện Biên, phường C, thành phố N ông L1 lập duy nhất 01 bản di chúc, được Ủy ban nhân dân phường C xác nhận vào ngày 15-09-2011. Trong di chúc, cụ L1 giao cho ông quản lý tài sản, có trách nhiệm thanh toán tiền nợ của cụ L1 và chia đều thành 10 phần cho những người có tên sau: Phạm Thị Bích H, Phạm Quang T3, Phạm Thị N, Phạm Thị Minh N1, Phạm Thị Bích N2, Phạm Quang Đ1, Phạm Quang T, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thanh T5, Phạm Thị Thùy D, Phạm Trường G, Phạm Mỹ L2, Phạm Thị Thu H2, Phạm Thị Hiền T4. Theo ông được biết thì tài sản của ông L1 để lại ngoài những khoản nợ và những tồn đọng chưa được giải quyết thì hiện tại phần đất của ông L1 được chia theo bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đang bị các chị Phạm Thị Minh N1 và Phạm Thị Bích N2 chiếm giữ và xây dựng nhà trên đó.

Đối với số tiền 192.000.000 đồng mà Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định yêu cầu bà H3 thanh toán cho ông L1 thì ông không biết. Ông chỉ biết có biên bản hoà giải giữa ông L1 và bà H3 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định để hai ông bà tự giải quyết. Khi đó, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định có mời ông tham gia.

Do anh chị em không thống nhất được việc xử lý tài sản do ông L1 để lại nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định công nhận bản di chúc của ông Phạm Quang L1 lập ngày 15-9-2011 là hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm Quang T1 trình bày: Bố ông là Phạm Quang L1, sinh năm 1936 (mất năm 2011). Mẹ ông là Phạm Thị H3 (tức S), sinh năm 1937 (mất năm 2007). Sinh thời bố mẹ ông có 9 người con chung là: Phạm Thị Bích H sinh năm 1958; Phạm Thị N sinh năm 1962; Phạm Thị Minh N1 sinh năm 1964; Phạm Thị Bích N2 sinh năm 1968; Phạm Quang T3 sinh năm 1960 (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích); Phạm Quốc Đ sinh năm 1965; Phạm Quang T sinh năm 1969; Phạm Quang T1 sinh năm 1974; Phạm Thị Thu H1 sinh năm 1977. Năm 2004, ông L1 và bà H3 ly hôn. Tại bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xử cho ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 ly hôn. Theo đó xác định:

Về nguồn gốc tài sản: Một phần do ông L1 và bà H3 mua, còn lại do Ủy ban nhân dân xã L cấp chung cho vợ chồng. Nhà được xây dựng năm 1986.

Về tài sản chung: Được xác định là diện tích 395m² đất ở, tại số H đường Đ, phường C, thành phố N. Trên đất có nhà 2 tầng, diện tích sàn 120m². Cả nhà và đất được định giá là: 5.204.150.000đ (*Năm tỷ hai trăm linh tư triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tổng các khoản nợ chung phải trả là 128.100.000đ (*Một trăm hai tám triệu một trăm ngàn đồng*). Trong đó: Anh Phạm Quang T = 63.600.000đ (*Sáu mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng*); anh Phạm Quang Đ1 = 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*); chị Phạm Thị Bích N2 5 cây vàng 9999 trị giá 37.500.000 (*Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 29-03-2004 để xác định giá trị.

Giá trị tài sản sau khi đã trả nợ chung còn lại là: 5.076.050.000đ (*Năm tỷ bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) được chia làm 03 phần:

Bà H3 và các con được hưởng 02 phần = 3.384.000.000đ (*Ba tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng*).

Phần tài sản ông L1 được hưởng (nay thành di sản) là: 1.692.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu đồng*); 100m² đất ở trị giá 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và 192.000.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng*). Tiền thanh toán chênh lệch tài sản 192.000.000đ phía bà H3 phải trả cho ông L1 và nợ chung phía bà H3 cũng phải trả theo trích lục án.

Ngày 05-01-2010, khi còn sống và tinh táo, tại phòng C2 tỉnh Nam Định, ông L1 đã lập giấy uỷ quyền giao cho con trai Phạm Quang T1 được toàn quyền thay mặt bố giải quyết phần diện tích 100m² đất ở tại H đường Đ, phường C, thành phố N thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L1 và khoản tiền chênh lệch tài sản ông L1 được hưởng là 192.000.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng*) (Theo trích lục bản án dân sự số 29 ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã có hiệu lực pháp luật).

Ngoài hai khối tài sản (tiền thu nợ và 100m² đất) giao cho con trai Phạm Quang T1 toàn quyền định đoạt tại Giấy uỷ quyền lập ngày 05-01-2010, người lập uỷ quyền (ông L1) không đề cập đến tài sản nào khác, hay bất cứ khoản nợ nào yêu cầu con trai Phạm Quang T1 phải thanh toán.

Ngày 26-02-2020, ông Phạm Quang T có đơn khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 08/TB-TLVA ngày 05-06-2020.

Ông đã có đơn yêu cầu phản tố, tuy nhiên, sau khi xem xét tài liệu hồ sơ vụ án, ông làm thêm một đơn yêu cầu phản tố đề nghị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trước đây, và đề nghị xem xét yêu cầu phản tố theo nội dung của đơn mới. Căn cứ tài liệu nội dung kèm đơn khởi kiện của ông T là bản Di chúc của ông Phạm Quang L1 lập ngày 15-09-2011 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C là ông Vũ Anh T8 chứng thực ông có căn cứ để chứng minh Di chúc ngày 15-09-2011 của ông L1 là vô hiệu, bởi lẽ:

Tại thời điểm ông L1 lập di chúc, ông đang bị tai biến, không tự đi lại được.

Nội dung của di chúc đã vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội: khi lập di chúc, ông L1 đã uỷ quyền ngày 05-01-2010 cho ông có toàn quyền đối với thửa đất và số tiền 192.000.000 đồng theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Di chúc không xác định được người được hưởng di sản là các ông bà “Phạm Thanh T5 + Phạm Thị Thùy D”.

Di chúc không xác định được di sản để lại là tài sản gì và nơi có di sản để lại.

Di chúc không xác định được những người ông L1 nợ.

Người chứng thực vi phạm các quy định về việc chứng thực: Ông Vũ Tuấn A2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C đã xác nhận, việc ông L1 lập di chúc không phải tại Ủy ban nhân dân phường, mà ông T8 chứng thực do bà Vũ Hồng A1 - Cán bộ tư pháp phường mang về đưa cho ông ký.

Người mua bán tài sản của ông L1 được xác định là người cho vay nợ không đúng với quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị C có cung cấp Hợp đồng cam kết, trong đó có nội dung: “*Ông Phạm Quang L1 đồng ý bán ngôi nhà số H đường Đ - Nam Định cho ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C với giá 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*”. Như vậy nội dung mua bán này không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T. Mặt khác, việc mua bán này đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết bởi Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 29-01-2019. Đồng thời nội dung của Hợp đồng cam kết mâu thuẫn vì ông L1 không có người con trai nào tên là Phạm Quang T9, ông L1 đồng ý bán ngôi nhà H đường Đ - Nam Định cho ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C nhưng phần ghi chú lại ghi: “*bên mua anh K và anh M có trách nhiệm...*”.

Với những căn cứ và lý do nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của ông.

Những vấn đề cụ thể ông Phạm Quang T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định công nhận tính pháp lý của Giấy uỷ quyền lập ngày 05-01-2010 của ông Phạm Quang L1 là hợp pháp.

Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang L1 gồm 100m² đất ở tại H đường Đ, phường C, thành phố N và khoản tiền chênh lệch tài sản ông L1 được hưởng là 192.000.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) là tài sản hợp pháp ông Phạm Quang L1 được hưởng) (Theo trích lục bản án dân sự số 29 ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã có hiệu lực pháp luật).

Làm rõ tính pháp lý và sự phù hợp với quy định của pháp luật hành chính, dân sự, đối với bản di chúc do anh Phạm Quang T cung cấp và Yêu cầu Tòa án công nhận. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự hoặc Quản lý nhà nước. Đề nghị có biện pháp xử lý nghiêm minh. Trường hợp có dấu hiệu cấu thành tội phạm hình sự đề nghị Tòa chuyển hồ sơ sang cơ quan CSĐT làm rõ xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tuyên bố Di chúc ngày 15-09-2011 của ông Phạm Quang L1 được Ủy ban nhân dân phường C chứng thực là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010 giữa ông Phạm Quang L1 và ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C là vô hiệu. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu ông không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm Quốc Đ trình bày: Bố ông là Phạm Quang L1, chết năm 2011, mẹ ông là Phạm Thị H3 chết năm 2007, bố mẹ ông sinh được 9 anh chị em gồm ông, ông T, bà H, bà N, bà N1, bà N2, ông T1, ông T8, bà H1; bố mẹ ông không có con riêng, cũng không có con nuôi. Bố mẹ ông đã ly hôn từ năm 2004, nên tài sản của bố ông chỉ có 1 thửa đất có diện tích 100m² trên đó không có công trình gì, thửa đất này nằm tại địa chỉ số H đường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay vẫn còn, anh chị em ông đang quản lý sử dụng, theo ông được biết trước khi chết bố ông không bán thửa đất này cho ai cả. Trước khi chết bố ông không lập di chúc vì bố ông bị tai biến gần 1 năm nên không thể lập di chúc được. Trước khi chết bố ông không có khoản nợ nào, bố ông cũng không nợ của ai. Ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định chia thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật cho hàng thừa kế thứ nhất của bố ông.

Ông L1 và bà H3 khi còn chung sống có nợ ông số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi ly hôn, số nợ chung của ông L1 và bà H3 được Tòa án tuyên thuộc trách nhiệm trả nợ của bà Phạm Thị H3. Điều này được công nhận tại bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã có hiệu lực pháp luật, tại phần Quyết định của bản án có nêu: *“Giao bà H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m² (chiều mặt đường 4,9m về phía đi Hà Nội chia dọc theo chiều dài thổ đất có hồ sơ kèm theo).*

Phía Bắc giáp đường quốc lộ 21A; phía Nam giáp nhà ông Đ2, ông T10; phía Đông giáp nhà ông L1; phía Tây giáp đất nhà bà H1, ông V, ông L3, bà C1 (nay là số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N). Theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và *“Bà H3 có trách nhiệm thanh toán ... và có trách nhiệm trả nợ chung cho ... anh Phạm Quang Đ1 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng)”*. (Do tên đệm giữa họ khẩu và căn cước không thống nhất, nên Công an đã thống nhất điều chỉnh tên ông là Phạm Quốc Đ). Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến nay bà H3 chưa thực hiện trách nhiệm thanh toán số nợ cho ông.

Năm 2006, bà H3 chết, thửa đất bà H3 sở hữu theo bản án chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời ông L1 cũng cố tình không yêu cầu thi hành án và không nhận đất được chia theo bản án.

Tuy nhiên, không hiểu bằng cách nào, con của bà H3 lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất do bà H3 để lại và nay yêu cầu công nhận di chúc của ông Phạm Quang L1 ngày 15-09-2011 là hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc. Như vậy, có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh trách nhiệm thi hành án bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho con bà Phạm Thị H3 của Ủy ban nhân dân thành phố N là trái với quy định của pháp luật. Bởi bà H3 chưa thi hành nghĩa vụ trả nợ theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, đến nay thì hiệu lực yêu cầu thi hành bản án bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 cũng không còn. Từ những nội dung nêu trên, cho thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ông đã bị xâm phạm.

Những vấn đề cụ thể ông Phạm Quốc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 (đã chết); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H; Phạm Thị N; Phạm Thị Minh N1; Phạm Thị Bích N2; Phạm Quang T1; Phạm Thị Thu H1; Phạm Quang T phải trả cho ông Phạm Quang Đ1 số tiền 27.000.000 (hai mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20-09-2004 cho đến nay với mức lãi suất 20%/năm với tổng số tiền lãi là $27.000.000 \times 20\%/\text{năm} \times 20 \text{ năm} = 108.000.000$ đồng.

Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thừa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m² (chiều mặt đường 4,9m về phía đi Hà Nội chia dọc theo chiều dài thổ đất có sơ đồ kèm theo).

Phía Bắc giáp đường quốc lộ 21A; phía Nam giáp nhà ông Đ2, ông T10; phía Đông giáp nhà ông L1; phía Tây giáp đất nhà bà H1, ông V, ông L3, bà C1 (nay là số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N). Theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Tuyên bản di chúc của ông Phạm Quang L1 được lập ngày 15-09-2011 là vô hiệu.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Phạm Thị Bích N2 trình bày: Ông L1 và bà H3 có nợ bà 0 (năm) cây vàng 9999, điều này đã được công nhận tại bản án đã có hiệu lực pháp luật, bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Tại phần Quyết định của bản án có nêu: “*Giao bà H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m²*”

(chiều mặt đường 4,9m về phía đi Hà Nội chia dọc theo chiều dài thổ đất có hồ sơ kèm theo).

Phía Bắc giáp đường quốc lộ 21A; phía Nam giáp nhà ông Đ2, ông T10; phía Đông giáp nhà ông L1; phía Tây giáp đất nhà bà H1, ông V, ông L3, bà C1 (nay là số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N) và “Bà H3 có trách nhiệm thanh toán ... chị Phạm Thị Bích N2 05 (năm) cây vàng 9999 trị giá là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng”.

Tuy nhiên, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến nay bà H3 chưa thực hiện trách nhiệm thanh toán số nợ cho bà.

Năm 2006, bà H3 chết, thừa đất bà H3 sở hữu theo bản án chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L1 lại không yêu cầu thi hành án đối với bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Việc chưa thi hành bản án có hiệu lực mà ông L1 lại cho rằng có quyền định đoạt tài sản là không đúng với quy định của pháp luật.

Không hiểu bằng cách nào con bà H3 lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất do bà H3 để lại. Như vậy, có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh trách nhiệm thi hành án bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho con bà H3 của Ủy ban nhân dân thành phố N là trái với quy định của pháp luật bởi bà H3 chưa thi hành nghĩa vụ trả nợ theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đồng thời, bà cũng có đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Tuy nhiên, thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã hết.

Từ những nội dung nêu trên, cho thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bà đã bị xâm phạm.

Những vấn đề cụ thể bà Phạm Thị Bích N2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H; Phạm Thị N; Phạm Thị Minh N1; Phạm Quang Đ1; Phạm Quang T1; Phạm Thị Thu H1; Phạm Quang T phải trả cho bà Phạm Thị Bích N2 05 (năm) cây vàng 9999 hoặc quy giá trị vàng tại thời điểm hiện tại.

Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thừa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu và sử dụng nhà mái

bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m² (chiều mặt đường 4,9m về phía đi Hà Nội chia dọc theo chiều dài thổ đất có sơ đồ kèm theo).

Phía Bắc giáp đường quốc lộ 21A; phía Nam giáp nhà ông Đ2, ông T10; phía Đông giáp nhà ông L1; phía Tây giáp đất nhà bà H1, ông V, ông L3, bà C1 (nay là số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N). Theo bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Tuyên bản di chúc của ông Phạm Quang L1 được lập ngày 15-09-2011 là vô hiệu.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích H, bà Phạm Thị N trình bày: Bố chúng tôi là Phạm Quang L1, sinh năm 1936 (chết năm 2011). Mẹ chúng tôi là Phạm Thị H3 (Tức S), sinh năm 1937 (chết năm 2007). Sinh thời bố mẹ chúng tôi có 9 người con chung là: Phạm Thị Bích H sinh năm 1958; Phạm Thị N sinh năm 1962; Phạm Thị Minh N1 sinh năm 1964; Phạm Thị Bích N2 sinh năm 1968; Phạm Quang T3 sinh năm 1960 (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích); Phạm Quốc Đ sinh năm 1965; Phạm Quang T sinh năm 1969; Phạm Quang T1 sinh năm 1974; Phạm Thị Thu H1 sinh năm 1977.

Về việc mua bán nhà đất tại số H đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định giữa bà Phạm Thị C chồng là Cao Xuân K và ông L1 khi còn sống chúng tôi hoàn toàn không biết, cho đến khi có Thông báo của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thì chúng tôi mới được biết. Chúng tôi cho rằng việc mua bán này không có căn cứ vì đó là phần tài sản khi đó chị em chúng tôi đang quản lý sau khi mẹ chúng tôi qua đời (2007) cho đến khi bị cưỡng chế trái pháp luật năm 2019. Mặt khác, tài sản bố chúng tôi được chia là 100m² đất ở và 192.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản chứ không phải là nhà đất 85 Điện Biên. Vì vậy chúng tôi “không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà C, ông K”

Về Di chúc của bố chúng tôi, chúng tôi cho rằng bản di chúc do ông T cung cấp là nguy tạo, chưa đủ căn cứ xác định là hợp pháp. Bởi lẽ phần tài sản bố chúng tôi được chia tại bản án ly hôn số 29/PTHN năm 2004 là 100m² đất ở và khoản tiền chênh lệch tài sản bố chúng tôi được trả là 192.000.000 đồng, đã trở thành di sản thừa kế khi bố chúng tôi qua đời và là tài sản khi còn sống của bố chúng tôi đã uỷ quyền định đoạt cho ông T1 chia di sản thừa kế của bố chúng tôi theo pháp luật.

Ngày 26-02-2020, ông Phạm Quang T có đơn khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 08/TB-TLVA ngày 05-06-2020.

Căn cứ tài liệu nội kèm đơn khởi kiện của ông T là bản Di chúc của ông Phạm Quang L1 lập ngày 15-09-2011 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C là ông Vũ Anh T8 chứng thực. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tuyên bố Di chúc ngày 15-09-2011 của ông L1 là vô hiệu, bởi lẽ:

Chủ thể lập di chúc: Tại thời điểm ông L1 lập di chúc, ông đang bị tai biến, không tự đi lại được.

Nội dung của di chúc đã vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội: khi lập di chúc, ông L1 đang còn nợ bà Phạm Thị Bích N2 và ông Phạm Quang Đ1 nhưng chưa thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật là bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam định.

Không xác định được người được hưởng di sản là các ông bà “Phạm Thanh T5, Phạm Thị Thùy D”.

Không xác định được di sản để lại là tài sản gì và nơi có di sản để lại.

Không xác định được những người ông L1 nợ.

Người chứng thực vi phạm các quy định về việc chứng thực: Ông Vũ Tuấn A2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C đã xác nhận, việc ông L1 lập di chúc không phải tại Ủy ban nhân dân phường, mà ông T8 chứng thực do bà Vũ Hồng A1 - Cán bộ tư pháp phường mang về đưa cho ông ký.

Người mua bán tài sản của ông L1 được xác định là người cho vay nợ không đúng với quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị C có cung cấp Hợp đồng cam kết, trong đó có nội dung: “*Ông Phạm Quang L1 đồng ý bán ngôi nhà số H đường Đ - Nam Định cho ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C với giá 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*”. Như vậy nội dung mua bán này không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T. Mặt khác, việc mua bán này đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết bởi Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 29-01-2019. Đồng thời nội dung của Hợp đồng cam kết mâu thuẫn vì ông L1 không có người con trai nào tên là Phạm Quang T9, ông L1 đồng ý bán ngôi nhà H đường Đ - Nam Định cho ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C nhưng phần ghi chú lại ghi: “*bên mua anh K và anh M có trách nhiệm...*”. Với những căn cứ và lý do nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của chúng tôi.

Những vấn đề cụ thể bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích H, Phạm Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố Di chúc ngày 15-09-2011 của ông Phạm Quang L1 được Ủy ban nhân dân phường C chứng thực là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010 giữa ông Phạm Quang L1 và ông Cao Xuân K và bà Phạm Thị C là vô hiệu. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu chúng tôi không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Phạm Thị C, ông Cao Xuân K và tại đơn yêu cầu đề ngày 04-9-2024 chị Trần Thị Ngọc A trình bày: Năm 2010, ông L1 có ký giấy thỏa thuận bán nhà đất số H đường Đ, phường C, thành phố N cho bà C, ông K. Bà C, ông K đã thanh toán cho ông L1 số tiền 1.000.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng mua bán nhà đất bản gốc có chữ ký ông L1 và biên bản khi làm việc với ông L1 trước khi chết, ông L1 đã thừa nhận có việc mua bán, có nhận tiền của bà C và ông K nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định việc mua bán nhà đất giữa bà C, ông K với ông L1 là sự thật. Đồng thời, căn cứ bản án chia tài sản khi ly hôn giữa ông L1 và bà H3 đã xác định ông L1 có toàn quyền sở hữu nhà đất nên ông L1 ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất là hoàn toàn hợp pháp về chủ thể. Ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng bên mua đã tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng, việc chưa thực hiện xong về thủ tục chuyển nhượng do lỗi bên bán và lý do khách quan. Nhưng khi mua bán ông L1 đã ký cam kết nếu bên bán không bán nữa hoặc sau ba tháng không thể làm được giấy tờ thủ tục chuyển nhượng số tiền bên mua đã chuyển cho bên bán được coi như đã thanh toán xong. Như vậy, đúng theo nội dung cam kết ông L1 đã ký với bà C, ông K thì sau khi ông L1 nhận 1.000.0000.000 đồng nhà đất đã thuộc quyền sở hữu bên mua.

Việc ông L1 lập di chúc để lại tài sản cho các con là không hợp pháp vì: Tại thời điểm lập di chúc nhà đất đã thỏa thuận bán cho vợ chồng bà C, ông K, ông L1 đã nhận tiền. Trước khi chết ông L1 chưa khi nào thông báo chấm dứt hợp đồng mua bán với bà C, ông K. Chính vì vậy, Di chúc không ghi ông L1 để lại thừa kế tài sản gì.

Đến nay ông L1 đã chết, chúng tôi cũng không muốn chỉ vì nội dung ông L1 đã ký cam kết mà đòi quyền sở hữu toàn bộ nhà đất khi mới thanh toán được 1.000.000.000 đồng, vì tình cảm gia đình tôi tự nguyện như sau:

Số tiền 1.000.000.000VNĐ (một tỷ đồng) chúng tôi đã chuyển cho ông thực hiện việc mua bán nhà đất, sẽ phải được hoàn trả cho gia đình chúng tôi và yêu cầu người thừa kế của ông L1 phải bồi thường thiệt hại (cách tính theo tỉ lệ đã trả 1 tỷ/1,9 tỷ theo Hợp đồng = 0,53%. Theo giá trị nhà đất mà Tòa án đã thẩm định giá tại thời điểm hiện tại là 6.500.000.000 đồng, thì những người thừa kế của ông L1 phải trả cho gia đình tôi: $6.500.000.000 \text{ đồng} \times 0,53\% = 3.445.000.000 \text{ đồng}$.

Nếu các con ông L1 không ai muốn nhận thừa kế bằng hiện vật là nhà đất vì không có khả năng bồi thường thiệt hại cho gia đình tôi và thanh toán thừa kế cho

các người thừa kế khác, thì gia đình tôi đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng mua bán giữa gia đình tôi và ông L1, giao nhà đất cho gia đình tôi sở hữu gia đình tôi sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các con ông L1 phần còn thiếu tính theo tỷ lệ đã trả tại thời điểm mua bán và theo giá mà Hội đồng định giá đã quyết định là: $6.500.000.000 \text{ đồng} \times 0,47\% = 3.055.000.000 \text{ đồng}$.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu các đương sự làm bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ; thông báo tìm kiếm người tham gia tố tụng; quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của cụ L1; chữ ký, chữ viết của ông Phạm Quang T1; lấy lời khai của những người làm chứng; tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo qui định của pháp luật; thu thập về nguồn gốc đất của cụ L1.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Phạm Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bản di chúc của cụ L1 là hợp pháp và phân chia tài sản theo di chúc; chấp nhận bồi thường thỏa đáng cho bà C.

Các bị đơn phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bản di chúc của cụ L1 mà nguyên đơn giao nộp là bản di chúc không hợp pháp, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với bản di chúc; các bị đơn có mặt đều không biết cụ L1 nợ ai cũng không thừa nhận việc bán đất, nhận tiền của cụ L1 với bà C, ông K nên đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010 giữa cụ L1 với bà C, ông K là vô hiệu.

Ông Đ1 đề nghị Tòa án: Buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H; Phạm Thị N; Phạm Thị Minh N1; Phạm Quang T1; Phạm Thị Thu H1; Phạm Quang T, Phạm Thị Bích N2 phải trả cho ông số tiền 27.000.000 (hai mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20-09-2004 cho đến nay với mức lãi suất 20%/năm với tổng số tiền lãi là $27.000.000 \times 20\%/\text{năm} \times 20 \text{ năm} = 108.000.000 \text{ đồng}$; tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thửa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m².

Bà N2 đề nghị Tòa án: Buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H; Phạm Thị N; Phạm Thị Minh N1; Phạm Quang T1; Phạm Thị Thu H1; Phạm Quang T, Phạm Quốc Đ phải trả cho bà 05 cây vàng 9999 hoặc quy giá trị vàng tại thời điểm hiện tại; tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thửa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu

và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m².

Người đại diện theo ủy quyền của bà N nhất trí với quan điểm của các bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông K đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn ngày 04-9-2024 và yêu cầu số tiền 100.000.000 đồng ông T1 đã nhận hộ cụ L1 được giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 122; khoản 2 Điều 137; điểm c khoản 2 Điều 147; Điều 307; Điều 308; khoản 1 Điều 410; Điều 633; khoản 3 Điều 652; điểm d, đ khoản 1 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 149; Điều 468; Điều 613; Điều 614; Điều 623; điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 218; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL-TA ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố di chúc ngày 15-9-2011 của cụ Phạm Quang L1 vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Phạm Quang T.

Chia thừa kế của cụ Phạm Quang L1 theo pháp luật, cụ thể:

Bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T, ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Thu H1, mỗi người được hưởng thừa kế trị giá là 380.160.000 (ba trăm tám mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12-01-2010 và ngày 14-01-2010 giữa cụ Phạm Quang L1 với bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K vô hiệu.

Giao ông Phạm Quang T được sở hữu quyền sử dụng đất diện tích 100m² đất (đã trừ diện tích đất quy hoạch giao thông) của cụ Phạm Quang L1 được chia tại bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số H đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao cho ông Phạm Quang T quản lý diện tích 101,4m² đất còn lại (có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm Quang T có trách nhiệm: Thanh toán cho bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K số tiền 3.078.560.000 (ba tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Thanh toán cho bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Thu H1, mỗi người với số tiền thừa kế là 380.160.000 (ba trăm tám mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Thanh toán cho bà Phạm Thị Minh N1: Số tiền thừa kế là 380.160.000 đồng + số tiền chênh lệch tài sản là 10.425.000 đồng, tổng cộng là 390.585.000 (ba trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi năm nghìn) đồng; bà Phạm Thị Bích N2: Số tiền thừa kế là 380.160.000 đồng + số tiền chênh lệch tài sản là 10.425.000 đồng, tổng cộng là 390.585.000 (ba trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi năm nghìn) đồng; ông Phạm Quang T1: Số tiền thừa kế là 380.160.000 đồng + số tiền chênh lệch tài sản là 10.425.000 đồng, tổng cộng là 390.585.000 (ba trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi năm nghìn) đồng.

Giao cho ông Phạm Quang T1 tạm thời quản lý số tiền 380.160.000 (ba trăm tám mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng của ông Phạm Quang T3 được thừa kế, để sau này ông Phạm Quang T3 hoặc người thừa kế của ông Phạm Quang T3 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Quang T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 03-10-2024 bà Phạm Thị Minh N1, ngày 04-10-2024 bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ngày 05-10-2024 ông Phạm Quốc Đ là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo cùng một nội dung, kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Lý do kháng cáo Bản án vi phạm về thủ tục tố tụng là giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau tất cả các đương sự trong vụ án đều không có yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ Phạm Quang L1 theo pháp luật. Tuy nhiên, bản án lại tuyên "Chia thừa kế của cụ Phạm Quang L1 theo pháp luật, cụ thể: Bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị

Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T, ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Thu H1, mỗi người được hưởng thừa kế trị giá là 380.160.000 đồng và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chia thừa kế của cụ Phạm Quang L1 theo pháp luật. Bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24-09-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Ngoài ra ông Phạm Quốc Đ còn trình bày: Tại đơn khởi kiện phản tố, ông Đ có yêu cầu: "Buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 (đã chết); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H3 là các bà Phạm Thị Bích H, bà Phạm Thị N; bà Phạm Thị Minh N1; bà Phạm Thị Bích N2; ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Thu H1, ông Phạm Quang T phải trả cho ông Phạm Quốc Đ số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20-09-2004 cho đến nay với mức lãi suất 20 %/năm với tổng số tiền lãi là $27.000.000 \times 20 \% / \text{năm} \times 20 \text{ năm} = 108.000.000$ đồng". Đây là khoản nợ chung của ông L1 và bà H3 và ông L1, bà H3 đều đã chết nên trách nhiệm trả nợ thuộc về những người thừa kế là các con của ông bà. Việc các con của ông L1, bà H3 yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc khi chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L1, bà H3 là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh trách nhiệm thi hành án bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, phần nhận định của Tòa lại nêu: "Tại bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định chỉ có phần quyết định cụ Phạm Thị H3 phải thanh toán cho ông Đ số tiền 27.000.000 đồng."... "Mặt khác, đây là vụ án "Tranh chấp thừa kế về tài sản do cụ L1 để lại nên những yêu cầu nêu trên của ông Đ không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn". Tuy nhiên, Tòa lại giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền dụng đất của bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K với cụ Phạm Quang L1 và hậu quả của hợp đồng vô hiệu khi không có đương sự nào trong vụ án yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông Phạm Quang T1 còn trình bày: Bản án đã công nhận di chúc ngày 15-09-2001 của cụ Phạm Quang L1 là vô hiệu. Nhưng lại giao ông Phạm Quang T được sở hữu quyền sử dụng đất và tạm giao ông T quyền quản lý diện tích 101,4 m² còn lại. Trong khi ông Phạm Quang T1 đang quản lý và sử dụng thửa đất và có toàn quyền quyết định, định đoạt thửa đất khi Giấy ủy quyền của cụ Phạm Quang L1 còn hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định của bản án

sơ thẩm. Ông Trần Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bích H, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1 đề nghị Hội đồng xét xử chia đều 6.500.000.000đ cho 9 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Quang L1, đề nghị chia cho 6 người bên phía bị đơn gồm bà H, bà N, bà N1, ông Đ, bà N2, ông T1 lấy bằng hiện vật và sẽ có trách nhiệm thanh toán trả cho ba người ông T, bà H1, ông T3 mỗi người số tiền 722.222.000đ, 6 người còn trả thêm cho ông T, bà H1, ông T3 mỗi người 10.425.000đ tiền chênh lệch. Các hàng thừa kế của cụ L1 cùng phải có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị C, ông Cao Xuân K số tiền là 900.000.000đ chia đều mỗi người có trách nhiệm trả 100.000.000đ. Hiện nay ông Phạm Quang T3 đi mất tích thì kỹ phần thừa kế của ông T3 được chia thì trả cho bà C, ông K. Ông Phạm Quốc Đ vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, khoản 2 Điều 122; khoản 2 Điều 137; điểm c khoản 2 Điều 147; Điều 307; Điều 308; khoản 1 Điều 410; Điều 633; khoản 3 Điều 652; điểm d, đ khoản 1 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 149; Điều 468; Điều 613; Điều 614; Điều 623; điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 06/2016/AL-TA ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang T. Tuyên bố di chúc ngày 15-9-2011 của cụ Phạm Quang L1 là vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Phạm Quang T. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Quang L1 với bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Chia di sản của cụ Phạm Quang L1 theo pháp luật: Giao cho ông Phạm Quang T được sử dụng 100m² đất và tài sản gắn liền với đất; Ông Phạm Quang T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K số tiền gốc 900.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Quang T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, bà Phạm

Thị Thu H1, theo kỷ phần mỗi người được hưởng là 380.160.000đ. Thanh toán cho bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1 số tiền chênh lệch tài sản đối với các công trình xây dựng trên đất mỗi người là 10.425.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Bích H, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Văn T2 tham gia phiên tòa, ông Phạm Quang T3 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tuyên bố mất tích số 10/2014/DS-ST ngày 29-9-2014, ông Phạm Thanh T5, bà Phạm Thị Thùy D đã được Tòa án thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật đến nay vắng mặt không có lý do họ không có kháng cáo. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp thừa kế về tài sản và tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là hoàn toàn chính xác.

[4] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ đều đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24-09-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thấy rằng: Xét yêu cầu của ông Phạm Quang T1 về việc yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định công nhận tính pháp lý của Giấy uỷ quyền lập ngày 05-01-2010 của cụ Phạm Quang L1 là hợp pháp, Hội đồng xét xử thấy: Tại Giấy uỷ quyền cụ L1 uỷ quyền cho ông T1 giải quyết phần diện tích đất 100m² và khoản tiền chênh lệch 192.000.000 đồng

cụ L1 được hưởng theo bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Giấy ủy quyền lập ngày 05-01-2010 có tên người ủy quyền là cụ Phạm Quang L1, tên người được ủy quyền là ông Phạm Quang T1, được công chứng là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì đại diện theo ủy quyền của cá nhân chấm dứt khi người ủy quyền chết. Giấy ủy quyền do cụ Phạm Quang L1 lập ngày 05-01-2010 nhưng đến ngày 21-11-2011 thì cụ L1 chết, do đó đối chiếu quy định trên thì đại diện theo ủy quyền của cụ Phạm Quang L1 là ông Phạm Quang T1 đã chấm dứt kể từ thời điểm cụ Phạm Quang L1 chết.

[5] Đối với yêu cầu của ông Phạm Quốc Đ về việc buộc cụ Phạm Quang L1 và cụ Phạm Thị H3 (đã chết); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H, Phạm Thị N, Phạm Thị Minh N1, Phạm Thị Bích N2, Phạm Quang T, Phạm Quang T1, Phạm Thị Thu H1 phải trả cho ông Phạm Quốc Đ số tiền 27.000.000 (hai mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20-09-2004 cho đến nay với mức lãi suất 20%/năm với tổng số tiền lãi là $27.000.000 \times 20\%/năm \times 20 \text{ năm} = 108.000.000$ đồng; tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thửa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m², Hội đồng xét xử thấy: Tại bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định chỉ có phần quyết định cụ Phạm Thị H3 phải thanh toán cho ông Đ số tiền 27.000.000 đồng, không có phần nào quyết định việc bà H, bà N, bà N1, bà N2, ông T1, bà H1, ông T phải trả cho ông Phạm Quang Đ1 số tiền 27.000.000 và bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, phần tài sản, nghĩa vụ của bà H3 đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 18/2016/TCDS-ST ngày 26-9-2016; Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017, bản án này đã có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự. Sau khi bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật, ông T đã làm đơn yêu cầu và đã được Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định tổ chức thi hành bản án này. Mặt khác, đây là vụ án “Tranh chấp thừa kế về tài sản” do cụ L1 để lại nên những yêu cầu nêu trên của ông Đ1 không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết những yêu cầu này của ông Đ1.

[6] Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Bích N2 về việc buộc ông Phạm Quang L1 và bà Phạm Thị H3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà

Phạm Thị H3 là các ông, bà: Phạm Thị Bích H, Phạm Thị N, Phạm Thị Minh N1, Phạm Quốc Đ, Phạm Quang T1, Phạm Thị Thu H1, Phạm Quang T phải trả cho bà Phạm Thị Bích N2 05 (năm) cây vàng 9999 hoặc quy giá trị vàng tại thời điểm hiện tại; tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho thửa đất của bà Phạm Thị H3 sở hữu và sử dụng nhà mái bằng diện tích 120m² và công trình phụ trên diện tích đất 295m², Hội đồng xét xử thấy: Tại bản án số 29/PTHN ngày 20-09-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định chỉ có phần quyết định cụ Phạm Thị H3 phải thanh toán cho bà N2 05 cây vàng trị giá là 37.500.000 đồng, không có phần nào quyết định việc bà H, bà N, bà N1, ông T1, bà H1, ông T, ông Đ phải thanh toán cho bà N2 05 cây vàng trị giá là 37.500.000 đồng và bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, phần tài sản, nghĩa vụ của bà H3 đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 18/2016/TCDS-ST ngày 26-9-2016; Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017, bản án này đã có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự. Sau khi bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật, ông T đã làm đơn yêu cầu và đã được Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định tổ chức thi hành bản án này. Mặt khác, đây là vụ án “Tranh chấp thừa kế về tài sản” do cụ L1 để lại nên những yêu cầu nêu trên của bà N2 không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết những yêu cầu này của bà N2.

[7] Về thời điểm, địa điểm mở thừa kế: Căn cứ vào giấy chứng tử số 89/2011 ngày 21-11-2011 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nơi cư trú cuối cùng trước khi chết của cụ Phạm Quang L1 là số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N và cụ L1 chết ngày 21-11-2011 tại nơi cư trú trên. Căn cứ Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ L1 là ngày 21-11-2011, địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của cụ Phạm Quang L1 tại số H đường Đ, phường C, thành phố N.

[8] Về thời hiệu khởi kiện thừa kế: Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ L1 là ngày 21-11-2011. Căn cứ Điều 149; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản xác nhận quyền thừa kế của mình là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 04-3-2020 ông Phạm Quang T khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận và chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ L1, như vậy ông T khởi kiện trong thời hiệu luật định nên vẫn còn thời hiệu.

[9] Về hàng và diện hưởng thừa kế: Lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, bố mẹ đẻ của cụ Phạm Quang L1 đã chết trước cụ L1. Sau khi ly hôn với cụ Phạm Thị H3 thì cụ L1 không kết hôn với người khác, bị đơn trình bày cụ L1 cũng không có người con riêng và con nuôi nào. Ông T trình bày được cụ L1 cho biết ông Phạm Thanh T5 và bà Phạm Thị Thùy D là con riêng của cụ L1 nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cụ Phạm Quang L1 có 09 người con gồm: Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T, ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Thu H1, đồng thời những người này đều không có văn bản từ chối nhận di sản của cụ L1 để lại. Do đó tại thời điểm xét xử sơ thẩm, căn cứ quy định tại Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2015 thì 09 người con có tên nêu trên được xác định là người thừa kế của cụ Phạm Quang L1.

[10] Xác định di sản của cụ Phạm Quang L1 để lại: Đối với số tiền 192.000.000 đồng chênh lệch tài sản do cụ Phạm Thị H3 phải thanh toán cho cụ Phạm Quang L1 theo bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định: Theo các tài liệu do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định cung cấp và do các đương sự giao nộp đã thể hiện: Ngày 23-10-2007 cụ L1 đã cho các cháu nội số tiền 192.000.000 đồng, tự nguyện từ bỏ quyền lợi và không có thắc mắc gì và số tiền này sẽ được nhập vào khối tài sản chung của cụ H3, sau này khi chia thừa kế của cụ H3 có trách nhiệm chia cho các cháu để làm vốn, cụ L1 không yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành số tiền 192.000.000 đồng nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định đã ban hành quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án số 03/QĐ-TĐYCTHA và quyết định đình chỉ thi hành án số 08/QĐ-THA ngày 23-10-2007 đối với phần tiền chênh lệch tài sản mà cụ L1 được hưởng. Mặt khác, bản án phúc thẩm số 22/2017/TCDS-PT ngày 03-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã công nhận bản san thư tài sản của cụ Phạm Thị H3 là hợp pháp và chia di sản của cụ H3 theo nội dung của di chúc. Bản án phúc thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án thành phố Nam Định đã tổ chức thi hành bản án này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết số tiền 192.000.000 đồng trong vụ án này.

[11] Căn cứ vào lời khai và tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập như: Lời khai của đương sự; bản án đã có hiệu lực pháp luật số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; biên bản làm việc ngày 08-6-2011 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N; văn bản số 687/CTHADS-GQKNTC ngày 10-8-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định thể hiện phần tài sản của cụ Phạm Thị H3 đã được Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Nam Định tổ chức thi hành; phiếu cung cấp hồ sơ địa chính số 521/CCHS-CNVPĐKĐĐ ngày 16-4-2021; biên bản xem xét thẩm định và định giá ngày 10-7-2024 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ có thể khẳng định vào thời điểm mở thừa kế 100m² đất của cụ L1 được chia vẫn còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định di sản để lại của cụ Phạm Quang L1 là 100 m² đất có địa chỉ tại số H đường Đ, phường C, thành phố N. Căn cứ theo mức giá đã được Hội đồng định giá quyết định tại biên bản định giá ngày 10-7-2024 là 65.000.000 đồng/m² đất thì giá trị 100m² đất cụ L1 để lại là: 65.000.000 đồng/m² x 100m² đất = 6.500.000.000 (sáu tỷ, năm trăm triệu) đồng.

[12] Về tính hợp pháp di chúc của cụ Phạm Quang L1 lập ngày 15-9-2011: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn nộp một bản sao di chúc đề ngày 15-9-2011 của cụ Phạm Quang L1 tại nơi cư trú số nhà H đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Bản di chúc được đánh máy gồm có 02 trang; có ngày, tháng, năm lập di chúc; họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; họ, tên người được hưởng di sản; chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ; di chúc có chữ ký của người làm chứng; có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N. Mặt khác, tại bản kết luận giám định số 103/KLHC-PC09 ngày 24-7-2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ viết, chữ ký tại mục “người viết di chúc” trong bản di chúc ngày 15-9-2011 là chữ viết, chữ ký của cụ L1. Như vậy, hình thức di chúc đảm bảo qui định tại Điều 649, Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bản di chúc đề ngày 15-9-2011 có các nội dung: Ngày, tháng, năm lập di chúc; họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; họ, tên người được hưởng di sản; việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ... Theo các tài liệu có trong hồ sơ như biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Trần Ánh K1, biên bản lấy lời khai của bà Vũ Hồng A1, cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N thì tại thời điểm lập di chúc thể hiện ý chí đối với tài sản của mình cụ L1 tuy phải ngồi xe lăn nhưng tinh thần minh mẫn, tỉnh táo; biên bản làm việc ngày 08-6-2011 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N có chữ ký của cụ L1, bà N2; bản kết luận giám định số 103/KLHC-PC09 ngày 24-7-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ viết, chữ ký tại mục “người viết di chúc” trong bản di chúc ngày 15-9-2011 là chữ viết, chữ ký của cụ L1. Điều đó đã thể hiện bản di chúc này được lập theo sự tự nguyện của cụ L1 và cụ L1 đã ký vào bản di chúc này là sự thật. Theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 653 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì nội dung của di chúc lập bằng văn bản phải nêu rõ di sản để lại và nơi có di sản; chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ. Tuy nhiên, tại dòng thứ 19 từ trên xuống trang 01 của bản di chúc có ghi: “...sau khi qua đời số tài sản của tôi sẽ giao cho con trai

Phạm Quang T quản lý. Hiện tại tôi còn nợ một số người, anh T có trách nhiệm bán số tài sản của tôi và thanh toán tiền nợ cho những người tôi nợ. (Khi những người tôi nợ cung cấp đầy đủ giấy tờ của tôi vay nợ để T thanh toán cho tôi)...". Như vậy, trong di chúc cụ L1 không xác định rõ di sản để lại gồm có những gì và nơi có di sản là ở đâu; đồng thời cụ L1 không nêu số tiền cụ thể còn nợ là bao nhiêu, tên tuổi chủ nợ là ai, địa chỉ liên hệ của những người cho cụ L1 vay nợ ở đâu; người được hưởng thừa kế là Phạm Thanh T5, Phạm Thị Thùy D không có ngày tháng năm sinh, không có địa chỉ cư trú. Do đó nội dung của di chúc lập bằng văn bản ngày 15-9-2011 của cụ L1 đã không đảm bảo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 653 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quy định tại khoản 3 Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *“di chúc của người bị hạn chế về thể chất phải được người làm chứng lập thành văn bản...”*. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì tại thời điểm lập di chúc thể hiện ý chí đối với tài sản của mình cụ L1 tuy tinh thần minh mẫn, tỉnh táo nhưng phải ngồi xe lăn, điều đó chứng tỏ thời điểm đó cụ L1 là người bị hạn chế về thể chất. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Trần Ánh K1, biên bản lấy lời khai của bà Vũ Hồng A1, cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N đã thể hiện: Di chúc đề ngày 15-9-2011 được đánh máy sẵn, không phải do ông K1 và ông T11 là hai người làm chứng việc cụ L1 tuyên bố chia tài sản cho các con lập thành văn bản nên không đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005 đối với di chúc hợp pháp. Từ những nhận định ở trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận bản di chúc của cụ Phạm Quang L1 lập ngày 15-9-2011 là hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu phân chia di sản của cụ L1 để lại theo pháp luật.

[13] Nghĩa vụ về tài sản của cụ L1 để lại: Theo nội dung bản di chúc ngày 15-9-2011 thì cụ L1 có nợ một số người nhưng không nêu số tiền nợ, tên tuổi địa chỉ cụ thể của những người này. Những người được thừa kế của cụ L1 cũng không cung cấp được về thông tin số tiền nợ, tên tuổi địa chỉ cụ thể những người mà cụ L1 còn nợ. Theo đề nghị của ông Phạm Quang T, Tòa án đã niêm yết, đăng thông tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với những người cho cụ L1 vay nợ nhưng tại thời điểm xét xử sơ thẩm vẫn không có tài liệu chứng cứ về vấn đề này, đồng thời di chúc không hợp pháp như nhận định ở trên. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết trong vụ án này.

[14] Đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị C và ông Cao Xuân K với cụ Phạm Quang L1: Lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn khi những người thừa kế di sản của cụ L1 không

thừa nhận việc mua bán đất giữa cụ L1 với bà C và ông K, còn bà C, ông K thì trình bày cụ L1 nhận số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng của ông bà, Hội đồng xét xử thấy: Theo quyết định của bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thì cụ L1 được giao sử dụng 100m² đất có địa chỉ số H đường Đ, phường C, thành phố N và bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cụ Phạm Quang L1 đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền chuyển nhượng diện tích đất được giao. Ngày 12-01-2010 cụ L1 đã lập giấy bán tài sản đất thổ cư cho bà C, ông K với giá trị là 1.950.000.000 đồng; ngày 14-01-2010 cụ L1 với bà C, ông K lập hợp đồng cam kết với giá trị tài sản là 1.900.000.000 đồng, mục đích để thực hiện nội dung hợp đồng bán tài sản đất thổ cư hai bên đã lập trước đó vào ngày 12-01-2010 và tại hợp đồng cam kết này thể hiện cụ L1 có chữ viết, chữ ký xác nhận đã trực tiếp nhận số tiền 900.000.000 đồng do bà C, ông K trả. Như vậy có thể khẳng định giấy bán tài sản đất thổ cư và hợp đồng cam kết được lập giữa cụ L1 với ông K, bà C thực chất là hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên. Bản kết luận giám định số 106/KLHC-PC09 ngày 02-8-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ viết, chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 29 tết tháng 12, Giấy mua bán tài sản đất thổ cư ngày 12-01-2010, Hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010 là chữ viết, chữ ký của cụ L1; chữ ký, chữ viết của người làm chứng bên bán trong Giấy mua bán tài sản đất thổ cư ngày 12-01-2010 là của ông Phạm Quang T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận số tiền bà C, ông K đã trả cho cụ L1 để mua đất của cụ L1 là 900.000.000 đồng. Đối với số tiền 100.000.000 đồng bà C trình bày đã giao cho ông Phạm Quang T1, còn ông T1 xác nhận đã cầm hộ số tiền 100.000.000 đồng này về trả cho cụ L1: Do lời khai của bà C, ông T1 có sự mâu thuẫn về việc cụ L1 đã được nhận số tiền này hay chưa và các bên cũng không đưa được ra tài liệu chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền cụ L1 đã nhận từ bà C, ông K là 900.000.000 đồng như nhận định ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền này là tranh chấp riêng giữa bà C, ông K với ông T1 nên không giải quyết trong vụ án này.

[15] Xét tính hợp pháp của Giấy mua bán tài sản đất thổ cư ngày 12-01-2010, Hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010: Tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003 quy định: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có chứng nhận của công chứng nhà nước; trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thì được lựa chọn hình thức chứng nhận của công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất. Tuy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa cụ L1 với bà C, ông K được lập thành văn bản nhưng không được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của

khoản 2 Điều 122, khoản 2 Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 401 Bộ luật dân sự 2005, số tiền bà C, ông K mới bàn giao cho cụ L1 nhận là 900.000.000 đồng nên hợp đồng chuyển nhượng đất giữa cụ L1 với bà C, ông K là vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử xác định lỗi của các bên trong việc không thực hiện được thỏa thuận trong hợp đồng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ như biên bản làm việc ngày 08-6-2011 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tài liệu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N cung cấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã thể hiện sau khi nhận số tiền 900.000.000 đồng, mặc dù bà C, ông K đã yêu cầu nhưng cụ L1 không làm thủ tục sang tên chính chủ cho bà C, ông K đối với mảnh đất đã chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi cụ L1 chết, những người thừa kế của cụ L1 cũng không thực hiện nghĩa vụ do cụ L1 để lại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lỗi không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất thuộc về cụ L1 và những người thừa kế của cụ L1. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do cụ L1 và những người thừa kế của cụ L1 có lỗi trong việc không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất với bà C, ông K, đồng thời bà C, ông K đã trả cụ L1 số tiền 900.000.000 đồng như nhận định ở trên. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 137, khoản 2 Điều 307, khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự 2005 thì bà C, ông K được hoàn trả lại 900.000.000 đồng và được bồi thường thiệt hại xảy ra. Số tiền thiệt hại xảy ra được tính như sau: (giá trị đất hiện tại - giá tiền hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010) x tỷ lệ (số tiền đã trả : giá tiền hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cam kết ngày 14-01-2010). Cụ thể như sau: (6.500.000.000 đồng - 1.900.000.000 đồng) x (900.000.000 đồng : 1.900.000.000 đồng) = 2.178.560.000 đồng (đã làm tròn số). Như vậy, bà C, ông K được nhận lại số tiền là 900.000.000 đồng + 2.178.560.000 đồng = 3.078.560.000 (ba tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn) đồng trong giá trị di sản cụ L1 để lại là phù hợp pháp luật.

[16] Về phân chia tài sản còn lại của cụ L1 sau khi đã trừ số tiền 3.078.560.000 đồng phải thanh toán cho bà C, ông K: Như đã nhận định ở trên, tài sản cụ L1 để lại có giá trị là 6.500.000.000 đồng. Như vậy, sau khi đã trừ số tiền cụ L1 phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bà C, ông K thì số tiền những người thừa kế theo pháp luật của cụ L1 được hưởng cụ thể là 6.500.000.000 đồng - 3.078.560.000 đồng = 3.421.440.000 (ba tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng. Chia theo kỹ phần thì bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm

Quang T, ông Phạm Quang T1 và bà Phạm Thị Thu H1, mỗi người được hưởng là 3.421.440.000 đồng : 9 = 380.160.000 đồng (đã làm tròn số).

[17] Về đề nghị được chia bằng hiện vật đối với thửa đất: Theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 26-4-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh N đối với diện tích, kích thước chiều rộng, chiều sâu tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa: Thửa đất là bộ phận cấu thành dãy phố, ngõ phố có chiều rộng mặt đường > 2,5m (vị trí tính chiều rộng là vị trí hẹp nhất từ đường chính đến thửa đất) thì diện tích tối thiểu là 30m², chiều rộng mặt tiền tối thiểu là 4m, chiều sâu tối thiểu so với chỉ giới xây dựng là 5m. Diện tích thửa đất cụ L1 được chia theo bản án phúc thẩm số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định là 100m² (chiều rộng là 5m theo chiều đi về phía thành phố N); những người được hưởng thừa kế theo pháp luật được nhận định ở trên gồm 09 người là bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T, ông Phạm Quang T1 và bà Phạm Thị Thu H1. Như vậy, nếu chia bằng hiện vật cho 09 người con thì diện tích đất của cụ L1 để lại không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 26-4-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh N đối với diện tích, kích thước chiều rộng, chiều sâu tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn thấy, nguyện vọng của cụ L1 là giao cho ông T có trách nhiệm bán đất và thanh toán nợ và phần thừa kế cho những người được hưởng thừa kế tài sản khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cho ông Phạm Quang T được quyền sử dụng diện tích đất do cụ L1 để lại và có trách nhiệm thanh toán cho bà C, ông K số tiền 3.078.560.000 đồng; thanh toán theo kỷ phần cho bà Phạm Thị Bích H, ông Phạm Quang T3, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Minh N1, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, bà Phạm Thị Thu H1, mỗi người số tiền thừa kế là 380.160.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[18] Bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xác định các hộ liên kế đối với diện tích đất của cụ L1 nhưng tại thời điểm xét xử các hộ liên kế đã có sự thay đổi về chủ sử dụng, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định và định giá cùng sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo để xác định ranh giới diện tích đất giao cho ông T. Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 10-7-2024 thì tổng diện tích đất cụ L1 sử dụng thực tế là 201,4m² chưa trừ diện tích đất quy hoạch giao thông (nhiều hơn so với phần quyết định của bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định) và theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C thì hiện tại không có tranh chấp với các hộ liên kế. Căn cứ vào quyết định đã có hiệu lực pháp luật của bản án số 29/PTHN ngày 20-9-2004 của Tòa án nhân dân tỉnh

Nam Định, Hội đồng xét xử giao cho ông Phạm Quang T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 100m² đất của cụ L1. Đối với diện tích đất dư thừa 101,4m² cần tiếp tục tạm giao cho ông T quản lý diện tích này, ông T quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai và nộp nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước để được công nhận hợp pháp quyền sử dụng đất nói trên.

[19] Tại biên bản định giá ngày 10-7-2024 Hội đồng định giá đã định giá tài sản trên đất như sau: 01 lán lợp tôn, không tường, cột kèo sắt, nền lát gạch 40x40 ceramic có giá trị cụ thể là: 704.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 31,3m² = 4.496.000 đồng (đã làm tròn số). 01 phòng quay tôn, mái tôn, ốp trần nhựa, nền lát gạch 40x40 ceramic, cao 2,85m có giá trị cụ thể là: “Phần tôn quay và mái có giá trị cụ thể là: 418.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 135,9m² = 11.589.000 đồng (đã làm tròn số). Phần nền có giá trị là: 286.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 107,2m² = 6.255.000 đồng (đã làm tròn số). Phần ốp trần nhựa có giá trị là: 244.000 đồng x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 107,2m² = 5.336.000 đồng (đã làm tròn số)”. Sân láng xi măng; 01 nhà vệ sinh xây gạch mái tôn; 01 nhà vệ sinh xây gạch mái fiprô có giá trị cụ thể là: “Phần sân láng xi măng có giá trị là: 192.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 51,3m² = 2.010.000 đồng (đã làm tròn số). Nhà vệ sinh xây gạch mái tôn có giá trị là: 1.496.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 3,8m² = 1.160.000 đồng (đã làm tròn số). Nhà vệ sinh xây gạch mái fipro có giá trị là: 1.496.000 đồng/m² x 20% giá trị còn lại x 1,02 hệ số địa bàn thành phố x 1,4m² = 428.000 đồng (đã làm tròn số)”. Tổng cộng là 4.496.000 đồng + 11.589.000 đồng + 6.255.000 đồng + 5.336.000 đồng + 2.010.000 đồng + 1.160.000 đồng + 428.000 đồng = 31.274.000 đồng. Số tài sản trên đất này bà N2, bà N1, ông T1 trình bày cùng bỏ tiền xây dựng trước thời điểm ông T khởi kiện nhưng không có đương sự nào có ý kiến gì. Do ông T có quyền sử dụng 100m² đất và tài sản trên đất nên cần buộc ông T phải có trách nhiệm trả chênh lệch các tài sản trên cho bà N2, bà N1, ông T1, cụ thể mỗi người là: 31.274.000 đồng : 3 = 10.425.000 đồng (đã làm tròn số) là phù hợp pháp luật.

[20] Đối với kỷ phần thừa kế của ông Phạm Quang T3: Cho đến thời điểm xét xử vụ án ngoài quyết định tuyên bố mất tích số 10/2014/DS-ST ngày 29-9-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thì chưa có tài liệu nào thể hiện ông Phạm Quang T3 đã chết nên căn cứ án lệ số 06/2016/AL ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kỷ phần thừa kế của ông Phạm Quang T3 được tạm giao cho ông Phạm Quang T1 quản lý, để sau này ông Phạm Quang T3

hoặc người thừa kế của ông Phạm Quang T3 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật tố tụng.

[21] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Quốc Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1 cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[22] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ không được chấp nhận, nên bà N1, bà N, bà N2, ông T1, ông Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hiện nay bà N1, bà N là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm cho hai bà là phù hợp, bà N2, ông T1, ông Đ mỗi người phải nộp 300.000đ nhưng được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm bà N2, ông T1, ông Đ đã nộp mỗi người 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định theo các biên lai thu số 0002334 ngày 08-10-2024, số 0002342 ngày 10-10-2024, số 0002348 ngày 14-10-2024, bà N2, ông T1, ông Đ đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[23] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 122; khoản 2 Điều 137; điểm c khoản 2 Điều 147; Điều 307; Điều 308; khoản 1 Điều 410; Điều 633; khoản 3 Điều 652; điểm d, đ khoản 1 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 149; Điều 468; Điều 613; Điều 614; Điều 623; điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147; Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL-

TA ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 7 Điều 27; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị Minh N1, bà Phạm Thị N. Buộc bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ mỗi người phải nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002334 ngày 08-10-2024, số 0002342 ngày 10-10-2024, số 0002348 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Bà Phạm Thị Bích N2, ông Phạm Quang T1, ông Phạm Quốc Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng